CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 159../CBTT-MCG	*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG

- Mã chứng khoán: **MCG**
- Địa chỉ: Ngõ 102 Đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024.38694773 Fax: 024.38691568
- Email: vanphong@mcger.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm2023 đã được kiểm toán:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên năm 2023 đã được kiểm toán):

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2023 đã được kiểm toán):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
Ký ngày: 29/8/2023 13:49:37

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

[x] Có [ ] Không

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/8/2023 theo đường dẫn:

https://www.mcger.com/dang-bai/categories/tin-tuc

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên Công ty mẹ năm 2023 đã được kiểm toán,
- Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TCHC.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 0100103295 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng

bakertilly
A & C

ÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN Đ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG
ƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 36

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 9 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103295, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ngõ 102 đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội , Việt Nam
- Điện thoại : 02438 694 773
- Fax : 02438 691 568

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Thanh Hóa	Ngã Ba Chè, Xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Miền Trung	Xã Hương Vân, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 1 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Hải Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Huyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Ngọc Chiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020
Ông Đỗ Quang Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đinh Thị Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022
Ông Nguyễn Thiết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022
Bà Hoàng Thị Kim Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Huyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2010
Ông Trịnh Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Bà Phạm Thị Chinh Lương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 0100103295 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG - Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Bình

Ngày 28 tháng 08 năm 2023

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A 01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 2.0552/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đối chiếu công nợ

- Tại ngày lập Báo cáo soát xét này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận đối với một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, bao gồm:

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư tại 30/06/2023	Số dư tại 01/01/2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.550.517.903	18.676.736.400
Phải thu ngắn hạn khác	136	6.212.087.253	29.621.065.253
Phải trả người bán	311	58.972.175.123	61.537.886.069
Phải trả ngắn hạn khác	319	21.323.765.021	35.892.168.589
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	320.640.000	320.640.000

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Doanh thu, Giá vốn Dự án HH1B

- Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" các chi phí của các căn hộ thuộc dự án tòa HH1B ngõ 102 Trường Chinh, số dư tại 30/06/2023 là 39.348.631.325 VND (tại thời điểm đầu năm là 41.042.932.232 VND). Đồng thời trên khoản mục "Phải trả khác" đang phản ánh nội dung nhận tiền đặt cọc để chuyển nhượng căn hộ là 69.951.677.000 (tại thời điểm đầu năm là 67.657.097.000 VND). Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để có thể đưa dự án đủ điều kiện chào bán và ký hợp đồng mua bán với khách mua.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không liên quan đến việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ về khoản lỗ thuần 5.746.867.103 VND của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, lỗ lũy kế của Công ty là 455.219.382.015 VND, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 98.468.581.639 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác soát xét và ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ với kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đó vào ngày 23 tháng 8 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

M.S.C.N: 0300449815-002 - C.T.N.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**127.957.846.670**	**130.987.538.933**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**1.023.416.251**	**3.243.191.372**
1. Tiền	111		1.023.416.251	3.243.191.372
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**206.500**	**190.750**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237.860	237.860
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(31.360)	(47.110)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**79.887.603.443**	**78.514.328.553**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.173.439.757	67.797.136.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.178.659.023	18.307.504.810
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	183.020.468	183.020.468
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	63.071.817.863	62.989.630.881
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(70.719.333.668)	(70.762.964.223)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**45.634.768.977**	**47.322.785.873**
1. Hàng tồn kho	141	V.8	45.634.768.977	47.322.785.873
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.411.851.499**	**1.907.042.385**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.112.869	23.162.727
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.374.131.823	1.883.879.658
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	606.807	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**353.000.809.214**	**361.360.877.155**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**11.238.189.935**	**12.405.117.101**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.238.189.935	12.405.117.101
Nguyên giá	*222*		*86.144.146.977*	*91.438.341.993*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(74.905.957.042)*	*(79.033.224.892)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	*228*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.10**	**99.307.901.490**	**100.656.196.614**
Nguyên giá	231		132.036.029.974	132.036.029.974
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.728.128.484)	(31.379.833.360)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**14.492.000**	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.492.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2**	**242.420.057.606**	**248.250.039.193**
1. Đầu tư vào công ty con	251		281.328.082.953	281.328.082.953
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.891.470.000	19.891.470.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(58.799.495.347)	(52.969.513.760)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**20.168.183**	**49.524.247**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		20.168.183	49.524.247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**480.958.655.884**	**492.348.416.088**

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**372.726.428.309**	**378.369.321.410**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**226.426.428.309**	**228.269.321.410**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	87.203.646.480	86.130.037.220
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.063.327.031	13.271.719.854
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.144.790.090	3.686.343.156
4.	Phải trả người lao động	314		795.011.009	735.944.027
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	23.756.226.107	26.500.418.341
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	12.181.833
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	92.721.617.059	90.190.866.446
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	320.640.000	320.640.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.421.170.533	7.421.170.533
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**146.300.000.000**	**150.100.000.000**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	140.600.000.000	144.400.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	5.700.000.000	5.700.000.000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**108.232.227.575**	**113.979.094.678**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.18**	**108.232.227.575**	**113.979.094.678**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*575.100.000.000*	*575.100.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(455.219.382.015)	(449.472.514.912)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(449.472.514.912)*	*(449.472.514.912)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*(5.746.867.103)*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**480.958.655.884**	**492.348.416.088**

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hoàng Mạnh Tuấn	Phạm Thị Chinh Lương	Nguyễn Ngọc Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.228.578.471	15.589.986.357
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.228.578.471	15.589.986.357
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.866.011.098	12.879.842.739
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.362.567.373	2.710.143.618
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.289.575	903.651.615
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	5.829.981.587	(628.649.443)
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.830.587.693	3.832.924.696
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.296.712.332)	409.519.980
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	727.623.357	2.021.942.772
12.	Chi phí khác	32	VI.7	177.778.128	422.724.595
13.	Lợi nhuận khác	40		549.845.229	1.599.218.177
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.746.867.103)	2.008.738.157
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.746.867.103)	2.008.738.157
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hoàng Mạnh Tuấn	Phạm Thị Chinh Lương	Nguyễn Ngọc Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
(Dạng đầy đủ)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***(5.746.867.103)***	***2.008.738.157***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.515.222.290	2.395.434.192
- Các khoản dự phòng	03		5.786.335.282	(181.261.025.447)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(723.107.756)	3.717.892.461
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***1.831.582.713***	***(173.138.960.637)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(820.503.307)	110.775.833.807
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.688.016.896	70.072.378.558
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.642.893.101)	(27.068.520.534)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		15.405.922	(145.331.005)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.975.853)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(448.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2.928.390.877)***	***(19.957.175.664)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.492.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		721.818.181	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.289.575	903.651.615
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***708.615.756***	***4.303.651.615***

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**-**	***6.000.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(2.219.775.121)**	**(9.653.524.049)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**3.243.191.372**	**11.542.381.596**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**1.023.416.251**	**1.888.857.547**

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hoàng Mạnh Tuấn	Phạm Thị Chinh Lương	Nguyễn Ngọc Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm [(i)]	Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên	Xây dựng, sản xuất cơ khí	100%	100%	51,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Số 6A, Ngõ 52, Đường Nguyễn Trãi, Tổ 9, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La	Sản xuất, kinh doanh điện	61%	61%	61%

[(i)] Tỷ lệ quyền biểu quyết khác tỷ lệ vốn góp/tỷ lệ lợi ích, do các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm chưa góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Thanh Hóa [(ii)]	Ngã Ba Chè, Xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Miền Trung[(iii)]	Xã Hương Vân, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Hồ Chí Minh[(iv)]	Số 1 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

[(ii)] Chi nhánh Thanh Hóa không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.
[(iii)] Chi nhánh Miền Trung ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.
[(iv)] Chi nhánh Hồ Chí Minh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 35 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 33 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu
Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết
Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác
Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác
Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị chưa niêm yết, không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	01 - 03

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà	10 - 50
Cơ sở hạ tầng	10 - 20

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên

quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ
Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	302.945.242	181.100.766
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	720.471.009	3.062.090.606
Cộng	**1.023.416.251**	**3.243.191.372**

2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***281.328.082.953***	***(52.916.621.800)***	***281.328.082.953***	***(47.094.697.141)***
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	8.048.082.953	(8.048.082.953)	8.048.082.953	(8.048.082.953)
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	273.280.000.000	(44.868.538.847)	273.280.000.000	(39.046.614.188)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	***19.891.470.000***	***(5.882.873.547)***	***19.891.470.000***	***(5.874.816.619)***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	(1.050.000.000)	1.050.000.000	(1.050.000.000)
Công ty Cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư xây dựng	1.800.000.000	(41.403.547)	1.800.000.000	(33.346.619)
Công ty Cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)	2.550.000.000	(2.550.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	2.241.470.000	(2.241.470.000)	2.241.470.000	(2.241.470.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	2.250.000.000	-	2.250.000.000	-
Công ty Cổ phần năng lượng tái tạo Bình Long	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	**301.219.552.953**	**(58.799.495.347)**	**301.219.552.953**	**(52.969.513.760)**

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	804.808 CP	100%	804.808 CP	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	27.328.000 CP	61%	27.328.000 CP	61%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển các KCN Hà Tĩnh	105.000 CP	(*)	105.000 CP	(*)
Công ty Cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư xây dựng	180.000 CP	10%	180.000 CP	10%
Công ty Cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái	255.000 CP	(*)	255.000 CP	(*)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	224.147 CP	14,82%	224.147 CP	14,82%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	225.000 CP	5,00%	225.000 CP	5,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	1.000.000 CP	10,00%	1.000.000 CP	10,00%

(*) Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị để làm cơ sở xác định tỷ lệ sở hữu.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty	Tình trạng hoạt động
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Hoạt động kinh doanh tiếp tục bị lỗ trong kỳ
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	Hoạt động kinh doanh tiếp tục bị lỗ trong kỳ

Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	52.969.513.760	43.274.928.843
Giảm do chuyển nhượng khoản đầu tư	-	(6.602.027.076)
Trích lập dự phòng bổ sung	5.829.981.587	1.351.779.307
Số cuối kỳ	**58.799.495.347**	**38.024.681.074**

Giao dịch với các công ty con: Xem thuyết minh VII.1

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***38.919.713.949***	***36.146.108.944***
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	21.304.776.241	20.753.339.361
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	14.348.747.934	14.348.747.934
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	925.682.068	925.682.068
Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	224.158.792	107.339.581
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	-	11.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	2.116.348.914	-
Phải thu các khách hàng khác	***31.253.725.808***	***31.651.027.673***
Ông Nguyễn Văn Dũng	6.048.390.292	6.188.674.692
Trong đó: Phải thu tiền bán cổ phần	*1.980.663.000*	*1.980.663.000*
Phải thu tiền bán căn hộ dự án 102 Trường Chinh	*4.067.727.292*	*4.208.011.692*
Các khách hàng khác	25.205.335.516	25.462.352.981
Cộng	**70.173.439.757**	**67.797.136.617**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	***8.182.777.240***	***9.726.508.690***
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG (*)	7.433.164.000	9.633.164.000
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	749.613.240	93.344.690
Trả trước cho các người bán khác	***8.995.881.783***	***8.580.996.120***
Công ty TNHH Kính Long Giang Hưng Yên	7.535.153.928	7.535.153.928
Các nhà cung cấp khác	1.460.727.855	1.045.842.192
Cộng	**17.178.659.023**	**18.307.504.810**

(*) Gồm khoản ứng trước 40% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Xây dựng MCG theo Hợp đồng ngày 26/12/2022 để thi công xây lắp các công trình tạm, phụ trợ của công trình tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại, văn phòng khách sạn tại Km9 đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch,

quận Cầu Giấy với số tiền 7.300.000.000 VND (số đầu năm là 9.500.000.000 VND) và ứng trước thi công công trình khác với số tiền 133.164.000 VND.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đây là khoản cho vay Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm (Công ty con) không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng ký kết trong kỳ 2021 và 2022, mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 0%/năm. Thời hạn cho vay tính từ ngày nhận tiền cho đến ngày trả hết nợ gốc.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***1.003.792.546***	***(313.700.000)***	***950.675.073***	***(313.700.000)***
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm - các khoản chi hộ	397.633.897	-	397.633.897	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha - các khoản chi hộ	171.417.209	-	9.945.772	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phải thu tạm ứng, khác	-	-	2.719.353	-
Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	-	-	1.746.269	-
Ông Trần Hải Anh - Phải thu tạm ứng, khác	75.571.354	(40.000.000)	67.109.446	(40.000.000)
Ông Nguyễn Văn Huyên - Phải thu tạm ứng	273.700.000	(273.700.000)	273.700.000	(273.700.000)
Ông Nguyễn Thiết - Phải thu tạm ứng	50.000.000	-	148.667.800	-
Ông Trịnh Thái Sơn - Phải thu tạm ứng	35.470.086	-	49.152.536	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***62.068.025.317***	***(55.256.633.755)***	***62.038.955.808***	***(55.269.274.403)***
Ban chỉ huy CT Nậm Hóa 1 - Tạm ứng công trình	27.260.081.892	(27.260.081.892)	27.260.081.892	(27.260.081.892)
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	9.477.520.000	(9.477.520.000)
Ông Phan Văn Trung - Tạm ứng	7.775.426.000	(7.775.426.000)	7.775.426.000	(7.775.426.000)
Tạm ứng các cá nhân khác	9.547.991.642	(8.462.063.556)	9.833.867.037	(8.505.621.910)
Các khoản khác	8.007.005.783	(2.281.542.307)	7.692.060.879	(2.250.624.601)
Cộng	**63.071.817.863**	**(55.570.333.755)**	**62.989.630.881**	**(55.582.974.403)**

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	***15.148.999.913***	***(15.148.999.913)***	***15.179.989.820***	***(15.179.989.820)***
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam số 5	4.344.536.021	(4.344.536.021)	4.344.536.021	(4.344.536.021)
Các đối tượng khác	10.804.463.892	(10.804.463.892)	10.835.453.799	(10.835.453.799)
Phải thu tiền tạm ứng	***43.870.071.802***	***(43.811.271.448)***	***43.854.829.802***	***(43.854.829.802)***
Ban chỉ huy Công trình Nậm Hóa 1	27.260.081.892	(27.260.081.892)	27.260.081.892	(27.260.081.892)
Ông Phan Văn Trung	7.775.426.000	(7.775.426.000)	7.775.426.000	(7.775.426.000)
Các đối tượng khác	8.834.563.910	(8.775.763.556)	8.819.321.910	(8.819.321.910)

Phải thu khác	***11.932.325.067***	***(11.759.062.307)***	***11.728.144.601***	***(11.728.144.601)***
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	9.477.520.000	(9.477.520.000)
Các đối tượng khác	2.454.805.067	(2.281.542.307)	2.250.624.601	(2.250.624.601)
Cộng	**70.951.396.782**	**(70.719.333.668)**	**70.762.964.223**	**(70.762.964.223)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	70.762.964.223	128.807.598.419
Hoàn nhập dự phòng	(43.630.555)	(30.989.907)
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	-	(103.920.712.051)
Số cuối kỳ	**70.719.333.668**	**24.855.896.461**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	99.410.900	-	99.410.900	-
Công cụ, dụng cụ	900.000	-	900.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.624.556.967	-	42.312.573.863	-
- Dự án tòa HH1B [(i)]	*39.348.631.325*	-	*41.042.932.232*	-
- Các dự án khác	*1.275.925.642*	-	*1.269.641.631*	-
Thành phẩm	52.886.080	-	52.886.080	-
Hàng gửi đi bán [(ii)]	4.857.015.030	-	4.857.015.030	-
Cộng	**45.634.768.977**	**-**	**47.322.785.873**	**-**

(i) Bao gồm chi phí dở dang thi công xây dựng 51 căn hộ tại tòa HH1B thuộc dự án Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng và văn phòng tại địa chỉ ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Giá trị giảm trong kỳ là điều chỉnh giảm chi phí tư vấn giám sát thiết kế công trình theo quyết toán với nhà thầu.

(ii) Hàng gửi bán là vật tư phục vụ thi công công trình thủy điện Nậm Hóa 1.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	69.390.152.490
Xóa số dư hàng tồn kho	-	(69.390.152.490)
Số cuối kỳ	**-**	**-**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.556.508.000	80.084.067.023	9.430.746.048	367.020.922	91.438.341.993
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.500.929.334)	(1.793.265.682)	-	(5.294.195.016)
Số cuối kỳ	**1.556.508.000**	**76.583.137.689**	**7.637.480.366**	**367.020.922**	**86.144.146.977**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.556.508.000	49.096.176.540	5.066.623.128	367.020.922	56.086.328.590
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.556.508.000	69.954.923.824	7.154.772.146	367.020.922	79.033.224.892
Khấu hao trong kỳ	-	1.047.139.068	119.788.098	-	1.166.927.166
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.500.929.334)	(1.793.265.682)	-	(5.294.195.016)
Số cuối kỳ	**1.556.508.000**	**67.501.133.558**	**5.481.294.562**	**367.020.922**	**74.905.957.042**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	10.129.143.199	2.275.973.902	-	12.405.117.101
Số cuối kỳ	-	**9.082.004.131**	**2.156.185.804**	-	**11.238.189.935**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	123.892.092.623	8.143.937.351	132.036.029.974
Số cuối kỳ	**123.892.092.623**	**8.143.937.351**	**132.036.029.974**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	5.749.910.679	5.749.910.679
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	24.354.552.199	7.025.281.161	31.379.833.360
Khấu hao trong kỳ	1.284.312.126	63.982.998	1.348.295.124
Số cuối kỳ	**25.638.864.325**	**7.089.264.159**	**32.728.128.484**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	99.537.540.424	1.118.656.190	100.656.196.614
Số cuối kỳ	**98.253.228.298**	**1.054.673.192**	**99.307.901.490**

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm:

- Tòa nhà HH1, HH2 tại ngõ 102 Trường Chinh cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam (bên liên quan) thuê theo Hợp đồng số 06/HDHT/Meco-TN ngày 02 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/Meco-TN ngày 27 tháng 09 năm 2021 hợp tác cho thuê trung tâm thương mại, văn phòng và tầng hầm.

- Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2023 như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tòa nhà HH1, HH2	117.774.019.565	22.499.362.989	95.274.656.576
Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng thuộc nhà xưởng	14.262.010.409	10.228.765.495	4.033.244.914
Cộng	**132.036.029.974**	**32.728.128.484**	**99.307.901.490**

Bất động sản đầu tư là tòa nhà HH1, HH2 tại ngõ 102 Trường Chinh, giá trị còn lại theo sổ sách là 95.274.656.576 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam (bên liên quan) tại Ngân hàng (xem thêm thuyết minh VII.1b).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế, với số tiền tính đến thời điểm 30/06/2023 là 182.574.263.469 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2018	139.937.428.832
Năm 2021	21.514.560.369
Năm 2022	15.415.291.080
6 tháng đầu năm 2023	5.706.983.188
Cộng	**182.574.263.469**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***18.856.028.055***	***18.649.471.515***
Ông Nguyễn Ngọc Bình - phải trả tiền mua cổ phần	9.228.833.000	9.228.833.000
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	2.495.376.660	2.730.088.670
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện MECO	1.470.513.396	1.470.513.396
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	5.220.036.449	5.220.036.449
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	441.268.550	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	***68.347.618.425***	***67.480.565.705***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169
Các nhà cung cấp khác	55.128.247.256	54.261.194.536
Cộng	**87.203.646.480**	**86.130.037.220**

(*) Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169
Các nhà cung cấp khác	52.805.108.392	53.198.308.391
Cộng	**66.024.479.561**	**66.417.679.560**

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	***69.701.989***	***84.830.557***
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	14.701.989	29.830.557
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	55.000.000	55.000.000
Trả trước của các khách hàng khác	***12.993.625.042***	***13.186.889.297***
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin (*)	12.961.556.000	12.961.556.000
Các khách hàng khác	32.069.042	225.333.297
Cộng	**13.063.327.031**	**13.271.719.854**

(*) Tiền ứng trước theo các hợp đồng số 2611-15/VNS- HĐKT ngày 26 tháng 11 năm 2007 và hợp đồng số 211/VNS – HĐKT ngày 02 tháng 11 năm 2007, hiện tại hợp đồng đã ngừng thực hiện do Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin không có khả năng thanh toán nợ.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	778.824.256	2.393.499	(4.454.848)	776.762.907	-
Thuế thu nhập cá nhân	120.585.963	7.512.311	(59.006.540)	69.091.734	-
Tiền thuê đất	140.953.911	-	-	140.953.911	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.645.979.026	6.095.815	(2.494.700.110)	157.981.538	606.807
Cộng	**3.686.343.156**	**16.001.625**	**(2.558.161.498)**	**1.144.790.090**	**606.807**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% .

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.746.867.103)	2.008.738.157
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	39.883.915	271.407.648
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*39.883.915*	*271.407.648*
Thu nhập chịu thuế	(5.706.983.188)	2.280.145.805
Thu nhập được miễn thuế	-	7.200
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(2.280.153.005)
Thu nhập tính thuế	(5.706.983.188)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 2.218 m^2 đất đang sử dụng tại ngõ 102 đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội với mức 153.446 VND/m^2/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thông tin khác

Ngày 09/06/2023, Cục thuế TP Hà Nội đã công bố Quyết định số 40517/QĐ-CTHN-QLN v/v chấm dứt hiệu lực Quyết định số 39686/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2022 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Công ty CP Năng lượng và Bất động sản MCG. Theo đó, MCG đã nộp đủ số tiền thuế nợ trên 120 ngày theo Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp thuế số 227362/TB-CTHN-QLN ngày 19/07/2022 của Cục thuế TP Hà Nội vào ngân sách nhà nước.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi trái phiếu phải trả	75.242.000	75.242.000
Chi phí công trình	22.060.583.834	24.804.776.068
Chi phí hỗ trợ di dời	1.620.400.273	1.620.400.273
Cộng	**23.756.226.107**	**26.500.418.341**

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.810.184.538	5.810.184.538
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.099.578.746	1.048.549.926
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Nhận đặt cọc căn hộ Dự án 102 Trường Chinh (*)	69.951.677.000	67.657.097.000
Phí bảo trì các căn hộ chung cư	8.250.398.988	8.205.507.388
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Long Giang	2.683.034.726	2.683.034.726
Cổ tức phải trả	87.848.300	87.848.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.586.714.761	4.446.464.568
Cộng	**92.721.617.059**	**90.190.866.446**

(*) Tiền nhận đặt cọc căn hộ tại tòa HH1B thuộc dự án Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng và văn phòng tại địa chỉ ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

16b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận vốn góp hợp tác của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam ("Thiên Nam") (bên liên quan) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HĐHT/Meco-TN ngày 02 tháng 04 năm 2018 về việc góp vốn liên doanh đồng kiểm soát Khu vực hợp tác kinh doanh (Gồm khối đế trung tâm thương mại tòa HH1, HH2, Văn phòng Meco Complex với diện tích 7.000 m^2 và tầng hầm B1, B2, B3, tầng hầm B1-HH2 với diện tích 5.000 m^2). Theo hợp đồng này, Thiên Nam góp vốn 215 tỷ VND giao cho Công ty nắm giữ. Thời hạn hợp tác là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thiên Nam chịu trách nhiệm sử dụng mặt bằng để khai thác và cho thuê, trực tiếp thu tiền từ hoạt động kinh doanh mặt bằng khu vực hợp tác. Công ty được hưởng khoản tiền cố định là 2,85 tỷ VND/quý mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng hợp tác.

Năm 2021, các bên đã ký Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/Meco-TN ngày 27 tháng 9 năm 2021, theo đó, điều chỉnh số tiền Thiên Nam góp còn 152 tỷ VND và kéo dài thời hạn hợp tác tối đa là 20 năm. Từ năm 2022, Công ty hưởng khoản tiền cố định là 7,6 tỷ VND/năm.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Long Giang	2.683.034.726	2.683.034.726
Cổ tức lợi nhuận phải trả	87.848.300	87.848.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.586.714.761	4.436.701.784
Cộng	**7.609.777.787**	**7.459.764.810**

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000
Vay các cá nhân khác	293.390.000	293.390.000
Cộng	**320.640.000**	**320.640.000**

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Nguyễn Ngọc Bình (Chủ tịch HĐQT) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất 0%/năm, thời hạn 36 tháng. Khoản vay được tự động gia hạn khi đến thời hạn nếu bên cho vay chưa có nhu cầu thu hồi vốn.

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(388.329.864.481)	175.121.745.109
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.008.738.157	2.008.738.157
Số dư cuối kỳ	**575.100.000.000**	**32.960.749.348**	**(73.426.398.513)**	**28.817.258.755**	**(386.321.126.324)**	**177.130.483.266**
Kỳ này						
Số dư đầu năm	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(449.472.514.912)	113.979.094.678
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(5.746.867.103)	(5.746.867.103)
Số dư cuối kỳ	**575.100.000.000**	**32.960.749.348**	**(73.426.398.513)**	**28.817.258.755**	**(455.219.382.015)**	**108.232.227.575**

18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	52.050.000	52.050.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18c. Về đăng ký giao dịch cổ phiếu

Theo quyết định số 173/QĐ-SGDHCM ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE")ban hành, 57.510 triệu cổ phiếu của Công ty sẽ chính thức bị huỷ niêm yết trên HOSE do Công ty có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ trong 3 năm liên tục, thuộc trường hợp chứng khoán bị huỷ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và ngày giao dịch cuối cùng trên HOSE là ngày 11/05/2023.

Ngày 16/5/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 443/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("UPCOM")

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Năm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương	115.061.656.391	115.061.656.391	2020	
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam Số 5	53.963.239.820	53.963.239.820	2020	
Công ty Cổ phần Linh Gas Việt Nam	23.106.794.416	23.106.794.416	2021	
Công ty Cổ phần Nam Vang	23.236.230.322	23.236.230.322	2021	Công nợ đã trích lập đủ 3 năm vẫn chưa thu hồi được nợ
Tổng công ty xây dựng thủy lợi 4 (Công trình Sông Tranh)	15.550.778.636	15.550.778.636	2021	
Công ty Cổ phần ván nhân tạo Yên Bái	10.188.163.252	10.188.163.252	2021	
Công nợ khó đòi khác xử lý năm 2021	41.006.977.717	41.006.977.717	2021	
Công nợ khó đòi khác xử lý năm 2017	5.847.793.903	5.847.793.903	2017	
Cộng	**287.961.634.457**	**287.961.634.457**		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây dựng	1.883.370.544	6.934.682.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.261.329	720.568.485
Doanh thu dịch vụ điện nước	4.677.401.144	4.480.189.578
Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư (i)	3.454.545.454	3.454.545.454
Cộng	**10.228.578.471**	**15.589.986.357**

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến BĐS đầu tư cho thuê như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	3.454.545.454	3.454.545.454
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	2.216.880.348	2.216.880.348
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	**1.237.665.106**	**1.237.665.106**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.1

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xây lắp	244.513.987	5.978.234.888
Giá vốn cung cấp dịch vụ	65.601.818	485.134.686
Giá vốn dịch vụ điện nước	4.339.014.945	4.199.592.817
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	2.216.880.348	2.216.880.348
Cộng	**6.866.011.098**	**12.879.842.739**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.289.575	903.651.615

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	4.621.544.076
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.829.981.587	(5.250.193.519)
Cộng	**5.829.981.587**	**(628.649.443)**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.769.055.004	2.860.543.608
Chi phí vật liệu quản lý	158.894.938	154.541.510
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.748.525	130.923.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.849.184	3.061.086
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(43.630.555)	(30.989.907)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	638.874.047	527.460.654
Các chi phí khác	138.796.550	181.384.091
Cộng	**3.830.587.693**	**3.832.924.696**

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	721.818.181	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.520.138.507
Các khoản thu nhập khác	5.805.176	501.804.265
Cộng	**727.623.357**	**2.021.942.772**

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt chậm nộp bảo hiểm	2.285.370	2.071.357
Chi phí thuê đất, khấu hao BĐS không tương ứng với doanh thu	175.492.758	358.378.458
Các chi phí khác	-	62.274.780
Cộng	**177.778.128**	**422.724.595**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.638.878	248.985.954
Chi phí nhân công	2.996.433.518	3.347.899.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.515.222.290	2.395.434.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	666.948.531	5.525.485.447
Chi phí dịch vụ điện nước mua ngoài	4.339.014.945	4.199.592.817
Chi phí dự phòng	(43.630.555)	(30.989.907)
Chi phí khác	143.796.550	149.650.785
Cộng	**10.776.424.157**	**15.836.059.046**

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (cùng kỳ năm trước cũng không phát sinh giao dịch).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6, V.12 và V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Các thành viên trực tiếp điều hành	**1.172.890.344**	**985.214.925**
Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	241.520.908	233.484.955
Hoàng Thị Kim Anh - Thành viên ban kiểm soát	115.316.883	126.037.948
Nguyễn Thiết - Thành viên (từ ngày 10/03/2022)	85.959.781	66.061.776
Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	185.123.636	176.612.726
Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó tổng giám đốc	186.710.364	158.234.155
Trịnh Thái Sơn - Phó tổng giám đốc (đến ngày 01/07/2023)	181.172.481	77.693.637
Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	177.086.291	147.089.728
Các thành viên không trực tiếp điều hành	-	***318.937.906***
Trần Hải Anh (TV HĐQT)	-	48.000.000
Nguyễn Văn Huyên (Phó tổng giám đốc kiêm TV HĐQT)	-	48.000.000
Đỗ Quang Tuấn (TV HĐQT)	-	48.000.000
Trần Ngọc Chiến (TV HĐQT)	-	48.000.000
Hoàng Mạnh Tuấn - Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 10/03/2022)	-	55.006.644
Đinh Thị Vân - Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 10/03/2022)	-	71.931.262
Cộng	**1.172.890.344**	**1.304.152.831**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	**Mối quan hệ**
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựngThủy lợi Meco Sài Gòn	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	Bên liên quan của Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần HTC Toàn Cầu	Bên liên quan của TV HĐQT
Công ty TNHH Long Giang	Bên liên quan của Phó tổng giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện An pha		
Thu nhập từ chuyển nhượng xe ô tô	500.000.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng, cung cấp dịch vụ điện nước	1.306.255	1.614.242
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam		
Doanh thu cho thuê mặt bằng, cung cấp dịch vụ điện nước	3.454.545.455	3.454.545.455
Công ty Cổ phần HTC Toàn Cầu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.931.252	-
Công ty TNHH Long Giang		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.646.675	-
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long		
Doanh thu khối lượng thi công Công trình Bình Long	1.923.953.558	5.993.616.373
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.531.817	-
Giá trị khối lượng xây lắp do Xây dựng MCG cung cấp	724.865.225	1.571.436.127

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12, V.13, V15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Cam kết bảo lãnh

Theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc cầm cố thế chấp tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty tại Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 290.000.000.000 VND. Tài sản được dùng để thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 888909; số vào sổ cấp GCN: 1258 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2023. Tổng số thửa đất được dùng để thế chấp là 05 thửa tại địa chỉ ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Tài sản trên đất là các tòa nhà HH 1A và HH 1B đang được Công ty cho thuê (xem thuyết minh số V.10).

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ khác.
- Lĩnh vực kinh doanh BĐS đầu tư.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ khác	Lĩnh vực kinh doanh BĐS đầu tư	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần ra bên ngoài	6.774.033.017	3.454.545.454	10.228.578.471
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	***6.774.033.017***	***3.454.545.454***	***10.228.578.471***
Chi phí trực tiếp theo bộ phận	(4.649.130.750)	(2.216.880.348)	(6.866.011.098)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.124.902.267	1.237.665.106	3.362.567.373
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.830.587.693)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(468.020.320)
Doanh thu hoạt động tài chính			1.289.575
Chi phí tài chính			(5.829.981.587)
Thu nhập khác			727.623.357
Chi phí khác			(177.778.128)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(5.746.867.103)
Kỳ trước			
Doanh thu thuần ra bên ngoài	12.135.440.903	3.454.545.454	15.589.986.357
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	***12.135.440.903***	***3.454.545.454***	***15.589.986.357***
Chi phí trực tiếp theo bộ phận	(10.662.962.391)	(2.216.880.348)	(12.879.842.739)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.472.478.512	1.237.665.106	2.710.143.618
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.832.924.696)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.122.781.078)
Doanh thu hoạt động tài chính			903.651.615
Chi phí tài chính			628.649.443
Thu nhập khác			2.021.942.772
Chi phí khác			(422.724.595)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			2.008.738.157

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau

	Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ khác	Lĩnh vực kinh doanh BĐS đầu tư	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	66.038.470.987	99.532.060.282	165.570.531.269
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			315.388.124.615
Tổng tài sản			***480.958.655.884***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	195.679.477.332	144.400.000.000	340.079.477.332
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			32.646.950.977
Tổng nợ phải trả			***372.726.428.309***
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	80.094.914.137	100.763.536.195	180.858.450.332
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			311.489.965.756
Tổng tài sản			***492.348.416.088***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	215.042.337.549	144.400.000.000	360.505.223.694
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	17.864.097.716
Tổng nợ phải trả			***378.369.321.410***

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Các sai sót

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện việc xóa nợ phải thu đã trích lập dự phòng, số tiền 103.920.712.051, xóa nợ "Phải trả nhà cung cấp" vào thu nhập khác số tiền 1.062.886.145 VND; xóa khoản công nợ ứng trước của Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác Vinashin vào thu nhập khác với số tiền 12.961.556.000 VND và xóa số dư hàng tồn kho đã trích lập dự phòng, số tiền 64.318.133.321 VND. Tuy nhiên các khoản xử lý xóa nợ trên chưa đủ điều kiện xử lý do chưa được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chính thức. Công ty đã điều chỉnh lại các sai sót trên vào báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đồng thời điều chỉnh các bút toán xóa nợ phải thu và hàng tồn kho nói trên vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sau khi báo cáo tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 và được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ				
Các khoản dự phòng	03	(7.950.160.906)	(173.310.864.541)	(181.261.025.447)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.855.121.756	103.920.712.051	110.775.833.807
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	682.226.068	69.390.152.490	70.072.378.558

4. Thông tin về hoạt động liên tục

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty tiếp tục bị lỗ 5.746.867.103 VND và khoản lỗ luỹ kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 455.219.382.015 VND. Ngoài ra tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 98.468.581.639 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ông Nguyễn Ngọc Bình – Chủ tịch HĐQT/cổ đông lớn cam kết sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết để Công ty duy trì hoạt động và có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hoàng Mạnh Tuấn	Phạm Thị Chinh Lương	Nguyễn Ngọc Bình